

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 373/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 02 tháng 06 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế cho vùng nuôi
xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương thuộc dự án Nguồn lợi ven biển
vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/BXD ngày 30/6/2016 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế cho vùng nuôi xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB;

Căn cứ Công văn số 9874/UBND-NN ngày 22/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương điều chỉnh, bổ sung thiết kế BVTC, dự toán xây dựng hạng mục công trình các tiểu dự án thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 156/TTr-SNN&PTNT ngày 28/9/2017 về việc Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình; trên cơ sở thẩm định của Sở Công thương tại Công văn số 2161/SCT-QLĐN, ngày 15/9/2017 về việc kết quả thẩm định thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình (phần điều chỉnh bổ sung) tiểu dự án: Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế cho vùng nuôi xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ áp cho vùng nuôi xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB, với nội dung chủ yếu sau:

1. Khái quát về dự án:

Tiểu dự án Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế, hạ thế cho vùng nuôi xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 với tổng mức đầu tư là 4.845,448 triệu đồng, nguồn vốn vay WB hỗ trợ phần xây lắp và thiết bị, các chi phí còn lại thuộc nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác với mục tiêu đưa nguồn điện lưới quốc gia phục vụ phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi hình thức nuôi từ quảng canh sang bán thâm canh-thâm canh để tăng năng suất nuôi trồng thủy sản, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tăng thu nhập để cải thiện mức sống cho nhân dân xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương.

2. Lý do điều chỉnh:

Để đảm bảo an toàn cho tuyến đường trung thế, hạ thế nằm phía bờ ao các đầm nuôi tôm nên cần phải điều chỉnh một số nội dung sau;

- Bổ sung gia cố cọc tre phần đáy móng và xung quanh móng được xây đá hộc bằng VXM M75 một số móng cột, cột đường dây trung thế, hạ thế;
- Bổ sung bộ cầu dao phân đoạn, cột móng và vật tư, phụ kiện kèm theo.

Các nội dung trên cần được bổ sung vào tiểu dự án và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã đồng ý chủ trương tại Công văn số 9874/UBND-NN ngày 22/8/2017.

3. Nội dung điều chỉnh:

Đoạn tuyến đường dây 22kV (hiện đang vận hành cấp điện áp 10kV) cấp điện cho trạm biến áp 160kVA-10(22)/0,4kV cấp điện cho vùng nuôi xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương, từ cột số 05 đến cột số 10 do địa hình biến động vì đây là khu vực ruộng trồng cói được cải tạo thành ao nuôi trồng thủy sản, nền đất chủ yếu do chủ ao nuôi nạo vét, bồi đắp nên chưa ổn định. Do vậy, việc gia cố các vị trí cột này bằng phương pháp đóng cọc tre đáy móng để đảm bảo an toàn cho các vị trí móng cột là hết sức cần thiết.

3.1. Đường dây 22 kV:

Bổ sung 01 cột LT-14C tại vị trí cột số 06 do vị trí cột này chuyển thành cột néo góc.

Tại vị trí cột số 01 bộ cầu dao phân đoạn 300A-24kV + xà XCD + ghế TTT + thang treo và 02 móng neo MN15-5 + DN-14 và tại vị trí cột số 02 bổ sung 01 bộ chống sét van LA-10kV + xà XCSV để đóng cắt và bảo vệ tuyến.

- Khối lượng tăng có đơn giá trong hợp đồng: Cột bê tông li tâm: LT - 14C = 01 cột, móng cột bê tông MT5a-2,0 = 02 móng, xà XNsc-2TN = 01 bộ, chuỗi neo Polime 22KV + phụ kiện = 06 chuỗi, cặp cáp KNO-70 = 03 cái.

- Khối lượng giảm có đơn giá trong hợp đồng: móng cột bê tông MT5a(GC)-2,0 = 05 móng, MTĐ3-2,0 = 01 móng, xà XĐV-22 = 01 bộ, sứ đứng SĐ - 22KV + ty mạ = 02 quả, tiếp địa RC-2 = 02 bộ.

- Phần khối lượng điều chỉnh bổ sung: móng cột bê tông MT5a(GC)-DC = 04 móng, MTĐ3(GC)-DC = 01 móng, xà hãm dây cột CDPD XNII = 01 bộ, Xà XCTT = 01 bộ, ghế + thang treo = 01 bộ, xà XCSV = 01 bộ, dây dòng + dây nối đất XCS = 01 bộ, cổ dề CD1 = 02 bộ, móng neo MN15-5 + DN-14 = 02 bộ, tiếp địa RC4 = 02 bộ và các vật liệu kèm theo.

3.2. Trạm biến áp: Do nền trạm biến áp bị lún nên cần phải gia cố lại bằng cách đắp đất và cọc tre.

3.3. Đường dây 0,4kV: Một số móng của 03 lộ cần được gia cố lại và lộ số 02 tại vị trí cột số 15b.4 được bổ sung 01 cột bê tông vuông H-7,5B.

Lộ số 1: Gia cố lại 18 vị trí móng cột số 1a, 2a, 5a, 8a, 9a, 15a, 22a, 27a, 30a, 36a, 41a, 45a, 48a, 49a, 51a, 54a, 55a, 58a, 61a, 62a.

Lộ số 2: Gia cố lại 12 vị trí móng cột số 19b, 20b, 22b, 10b.1, 10b.3, 10b.4, 10b.8, 15b.4, 15b.9, 22b.2, 22b.4, 22b.6, 22b.8.

Lộ số 3: Gia cố lại 01 vị trí móng cột số 7,4.

- Khối lượng tăng có đơn giá trong hợp đồng: Cột bê tông vuông: H-7,5B = 01 cột, xà neo XNĐ-4a = 02 bộ, sứ đứng SĐ A30+ ty mạ = 12 quả.

- Khối lượng giảm có đơn giá trong hợp đồng: móng cột bê tông MT3-1,5 = 01 móng, MTĐ2-1,5 = 03 móng, MTĐ2(GC)-1,8 = 02 móng, MH3-1,2 = 01 móng, MH3(GC)-1,2 = 10 móng, MHcđ(GC)-1,2 = 17 móng, xà XĐ-4 = 01 bộ.

- Phần khối lượng điều chỉnh bổ sung: móng cột bê tông MT3(GC)-DC = 01 móng, MH3(GC)-DC = 10 móng, MHcđ(GC)-DC = 18 móng, MTĐ2(GC)-DC = 05 móng.

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 5.108.509.000 đồng;

Trong đó: - Chi phí xây dựng: 3.552.500.000 đồng;

- Chi phí thiết bị: 207.020.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 87.900.000 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 405.782.000 đồng;
- Chi phí khác: 413.649.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 441.658.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Kéo dài thời gian thực hiện đối với gói thầu có phần khối lượng bổ sung và các gói thầu khác liên quan theo quy định trong trước quý IV năm 2017.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này, chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định hiện hành.

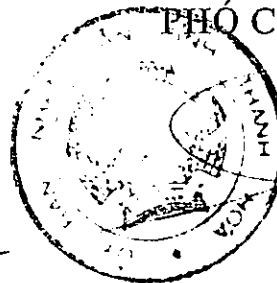
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính, xây dựng, Công thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Ban quản lý dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN (A365)

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Công trình: Xây dựng trạm Điều áp, đường dây trung thế, hạ thế cho vùng nuôi xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB

(Kèm theo Quyết định số 373/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư điều chỉnh
I	Chi phí xây dựng (Gxd)	3.552.500.000
1	Chi phí xây dựng tại QĐ số 652/QĐ-SNN&PTNT ngày 05/9/2016	3.243.308.000
2	Chi phí xây dựng bổ sung	309.192.000
II	Chi phí thiết bị (Gtb)	207.020.000
1	Chi phí thiết bị tại QĐ số 652/QĐ-SNN&PTNT ngày 05/9/2016	207.020.000
2	Chi phí thiết bị bổ sung	
III	Chi phí quản lý dự án (Gqlđa)	87.900.000
1	Chi phí QLDA theo QĐ số 3116/QĐ-UBND ngày 18/8/2016	80.432.000
2	Chi phí QLDA bổ sung	7.468.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gvt)	405.782.000
1	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng theo QĐ số 3116/QĐ-UBND ngày 18/8/2016	405.782.000
V	Chi phí khác (Gk)	413.649.000
1	Chi phí khác theo QĐ số 3116/QĐ-UBND ngày 18/8/2016	392.569.000
2	Chi phí khác bổ sung	21.080.000
VI	Chi phí dự phòng	441.658.000
1	Dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh	220.828.751
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	220.828.751
	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	5.108.509.000